

Bản án số: 20/2025/HSST
Ngày 03 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp, ông Ngô Văn Thi.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS, ngày 18 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh năm 1995 tại huyện A, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hoà Hảo; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Làm thuê; cha Nguyễn Hoàng K (chết), mẹ Đỗ Thị Mỹ C1 (chết); anh, chị, em ruột có 05 người, bị cáo là người thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

2. Nguyễn Hữu P, sinh năm 1993 tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Làm thuê; cha Nguyễn Văn H, sinh năm 1962, mẹ Phạm Ngọc D, sinh năm 1966; anh, chị, em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ tư; vợ Dương Thị Thùy L, sinh năm 1997; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:** Ông Lương Minh H1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Việt Nam tỉnh A. (Có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn G, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt)

2. Ông Đỗ Văn B, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

3. Trần Văn L1 (L2), sinh năm 1984, ngụ: ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

- *Người chứng kiến*

1. Ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

2. Bà Đỗ Thị H2, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 21/7/2024, Nguyễn Hữu P gọi điện thoại thuê Nguyễn Văn C đưa P cùng với Hoàng Văn D1 từ Campuchia về Việt Nam với tiền công thỏa thuận 2.700.000 đồng/người. C đồng ý và kêu Trần Văn L1 điều khiển vỏ lãi của Ca từ nhà C sang Campuchia rước P, D1, L3. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, L1 dẫn P, D1, L3 về nhà C tại ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang. Xong, L1 ra về, C kêu D1, P, L3 lên nhà vào khu vực buồng ngủ rồi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn ma túy trong nỏ mang ra sử dụng cùng với P và D1 (còn L3 không sử dụng). Lúc này, P lấy trong túi màu đen của P (túi cầm tay) ra 01 bọc ma túy đá và xin C cho thêm một ít ma túy màu đỏ để dành sử dụng. Ca lấy một ít ma túy màu đỏ của C cho vào bọc ma túy đá của P rồi đưa lại cho P, P cất giấu lại vào túi. Sau khi sử dụng hết số ma túy trong nỏ, cả nhóm tổ chức nhậu. Trong lúc nhậu, C yêu cầu P, L3 trả tiền công cho C mỗi người 2.700.000 đồng thì được L3, P chuyển khoản cho C số tiền trên. Riêng D1 không có tiền nên C không lấy tiền của D1. Cả nhóm nhậu được một lúc, L3 nghỉ và bắt xe về Thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể). Còn lại C, P, D1 nhậu đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì nghỉ nhậu và tiếp tục đi lên nhà trên vào khu vực buồng ngủ để sử dụng ma túy.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/7/2024, Công an huyện A phối hợp cùng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh A hỗ trợ Công an Q, thành phố Hồ Chí Minh đến nhà C để làm việc với C về việc có liên quan trong vụ án khác thì phát hiện Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu P và Hoàng Văn D1 đang sử dụng trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật. Thu giữ của C: 01 hộp kim loại màu xanh, có chữ KingKing (bên trong có 01 bọc nylon chứa tinh thể màu trắng, 01 bọc chứa tinh thể màu đỏ); 01 bộ dụng cụ đang sử dụng ma túy; 02 cái bật lửa; 01 cây kéo bằng kim loại; 23 đoạn ống hút; 09 đoạn ống thủy tinh; 01 túi đeo chéo nhãn hiệu Pjingpin; 03 điện thoại di động (01 hiệu NoKia, 02 hiệu S1). Thu giữ của P: 01 túi da cầm tay; 01 bọc nylon chứa tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max. Thu giữ của D1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12C.

Theo Kết luận giám định số 1028/KL-KTHS ngày 24/7/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, xác định: 02 bọc ma túy thu giữ của Nguyễn Văn C là Methamphetamine, có tổng khối lượng 3,0986g (ba phẩy không chín tám sáu gam); bọc ma túy thu giữ của Nguyễn Hữu P là Methamphetamine, khối lượng 0,9801g (không phẩy chín tám không một gam).

Cáo trạng số: 94/CT-VKSAP-HS ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Nguyễn Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất

ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Hữu P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tòa án đã trả hồ sơ điều tra bổ sung với lý do: Bỏ lọt tội phạm. Ngày 13/3/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú có Văn bản số 07/VKSAP chuyển lại hồ sơ vì nhận thấy: Việc Nguyễn Văn C tàng trữ 09 ống thủy tinh là chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Tàng trữ phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Điều 254 Bộ luật Hình sự. Căn cứ Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án chỉ xét xử các bị cáo và hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố theo Cáo trạng số: 94/CT-VKSAP-HS ngày 26 tháng 11 năm 2024.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Nguyễn Hữu P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên. Đồng thời C có giao nộp số tiền 1.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn D1, Đỗ Văn B trình bày phù hợp nội dung vụ án. D1 thừa nhận có cùng C, P sử dụng ma túy tại nhà Ca 2 lân; B thừa nhận có nhận chuyển khoản 2.700.000 đồng từ người tên Nguyen H (Nguyễn Hữu P) (BL 167 – 171; BL 189 – 191).

Những người chứng kiến trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc C chấp hành hình phạt chung của 2 tội. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả 2 bị cáo. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các chất ma túy còn lại sau giám định và các vật chứng liên quan; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 02 điện thoại di động (01 nhãn hiệu Samsung và 01 nhãn hiệu N) và 01 túi đeo chéo; trả lại cho Hoàng Văn D1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12C; trả lại cho Nguyễn Hữu P 01 túi da.

Quan điểm tranh luận của người bào chữa: Ông Lương Minh H1 thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn C. Đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có người thân tham gia cách mạng (có ông, bà tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huân chương); bị cáo có học lực thấp, gia đình thuộc hộ nghèo nên đề nghị cho bị cáo được nhận mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Văn C, bị cáo Nguyễn Hữu P không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến vắng mặt. Tuy nhiên những người tham gia tố tụng này đã có lời khai trong hồ sơ. Tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa, Kiểm sát viên không có ý kiến. Xét việc họ vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau. Lời khai của các bị cáo cũng phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác về thời gian, địa điểm; về việc tổ chức sử dụng ma túy, số lần sử dụng và số ma túy còn lại. Căn cứ vào các lời khai; Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 21/7/2024; Kết luận giám định số 1028/KL-KTHS ngày 24/7/2024 của Phòng K1 - Công an tỉnh A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có căn cứ xác định:

Khoảng 08 giờ ngày 21/7/2024 Nguyễn Văn C có hành vi chuẩn bị địa điểm, dụng cụ và cung cấp ma túy cho Nguyễn Hữu P, Hoàng Văn D1 sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy, cả nhóm C, P, D1 tổ chức nhậu. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, nhóm C, P, D1 tiếp tục tổ chức sử dụng ma túy lần 2, thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ số ma túy còn lại của Nguyễn Văn C là 3,0986 gam; thu giữ của Nguyễn Hữu P là 0,9801 gam, loại Methamphetamine. Số ma túy này C và P cất giấu là để sử dụng.

Từ đó có cơ kết luận, hành vi của Nguyễn Văn C đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; hành vi của Nguyễn Hữu P phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đối với hành vi rước D1, P, L3 từ Campuchia về Việt Nam vào ngày 21/7/2024 của bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Văn L1 nhằm hưởng lợi là có dấu hiệu của tội tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép quy định tại Điều 348 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, hành vi này không thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A mà thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh A. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A không khởi tố, xử lý cùng vụ mà chuyển tài liệu, chứng cứ cho cơ quan

điều tra theo thẩm quyền là đúng quy định.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Đồng thời gây ảnh hưởng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống tội phạm về ma túy nói riêng.

[4] Xét tính chất, mức độ; nguyên nhân; động cơ, mục đích phạm tội và việc áp dụng hình phạt: Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, mức độ hành vi là hết sức nguy hiểm. Bời ma túy được coi là “cái chết trắng”, nó gây ảnh hưởng sức khỏe, hạnh phúc gia đình; gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát sinh các tội phạm khác. Nguyên nhân các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do ý thức pháp luật kém, ham đua đòi và nghiện ma túy.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, mục đích thỏa mãn cơn nghiện và sự ham muốn nguy hại. Đồng thời trên địa bàn huyện A tình hình tội phạm về ma túy có chiều hướng gia tăng, nhất là trong giới thanh thiếu niên. Xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc đối với loại tội phạm này, nhằm răn đe, trừng trị và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều thuộc thành phần lao động nghèo, là lao động chính. Bị cáo Nguyễn Hữu P có cha là ông Nguyễn Văn H có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; bị cáo Nguyễn Văn C có bà nội, ông ngoại là người có công cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ của hành vi và nhân thân từng bị cáo, nên được chấp nhận. Cần thiết áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để có thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, kinh tế không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã chuyển giao 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A15 của Nguyễn Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max của Nguyễn Hữu P và số tiền 1.500.000 đồng Ca giao nộp cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh A vì có liên quan trong vụ tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Tang vật còn lại được xử lý như sau:

- Đối với 02 phong bì chứa mẫu vật còn lại sau giám định là chất ma túy, là chất Nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 02 cái bật lửa, 01 cây kéo bằng kim loại, 23 đoạn ống hút, 09 đoạn ống thủy tinh là công cụ, phương tiện bị cáo sử

dụng vào việc sử dụng ma túy. Xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 điện thoại di động của bị cáo C (01 nhãn hiệu Nokia, 01 nhãn hiệu S1) Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo C. Tuy nhiên nhận thấy trong quá trình điều tra thì 02 điện thoại này chưa được kiểm tra, giám định; đồng thời C còn đang bị điều tra về tội phạm khác. Do đó, nhằm đảm bảo việc thu thập chứng cứ, nên tiếp tục quản lý, giao Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh A để phục vụ công tác điều tra và xử lý sau.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12C của Hoàng Văn D1 xét không liên quan tội phạm, nên trả lại cho D1.

- Đối với 02 túi da là tài sản cá nhân của bị cáo P và bị cáo C, xét không liên quan tội phạm nên trả lại cho các bị cáo.

[7] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ nhân thân, lai lịch của người tên L3 và người bán ma túy cho C để xử lý theo quy định của pháp luật. Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh A tiếp tục điều tra làm rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép của Nguyễn Văn C và Trần Văn L1 để xử lý theo quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q1 (Hội nghị); bị cáo Nguyễn Hữu P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; bị cáo Nguyễn Hữu P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

1. Về hình phạt:

1.1 Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C,

- 03 (ba) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

- 08 (tám) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/7/2024 (ngày hai mươi một tháng bảy năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn).

1.2 Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu P 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/7/2024 (ngày hai mươi một tháng bảy năm hai nghìn không trăm hai mươi bốn).

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) phong bì bên trong chứa mẫu vật ma túy còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 02 cái bật lửa, 01 cây kéo bằng kim loại, 23 đoạn ống hút bằng nhựa; 01 (một) hộp kim loại có chữ KingKong; 09 (chín) ống thủy tinh; 01 (một) bọc nilon được hàn kín 3 cạnh.

- Tiếp tục quản lý, giao Cơ quan An ninh Điều tra Công an tỉnh A 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia của Nguyễn Văn C.

- Trả lại cho,

Bị cáo Nguyễn Hữu P 01 (một) túi da cầm tay màu đen;

Bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) túi đeo chéo nhãn hiệu Pjingpin;

Hoàng Văn D1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12C.

(Đặc điểm từng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A với Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

- Bị cáo Nguyễn Hữu P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn C.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/4/2025). Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- Phân trại tạm giam An Phú (2);
- CC THADS huyện An Phú (1);
- Phòng HS Công an tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (2);
- Bị cáo (2);
- Người liên quan (3);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn Sáu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (2);
- CC THADS huyện An Phú (1);
- Phòng HS Công an tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (2);
- UBND phường Châu Phú B (1);
- Bị cáo (1);
- Đương sự (8);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn Sáu

